

Số: 121 /BC-TTYT

Hà Tiên, ngày 30 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO TỔNG KẾT
Kết quả thực hiện công tác y tế năm 2024
và phương hướng nhiệm vụ năm 2025

PHẦN A: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2024

Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy, HĐND và kế hoạch UBND thành phố về lĩnh vực y tế. Trong năm 2024 Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hà Tiên.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên được xếp hạng là Trung tâm Y tế hạng II theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang. Chỉ tiêu giường bệnh được giao là 180 giường. Tổng số nhân viên y tế là 228 người (Biên chế: 196 người; HĐ: 32 người).

- Trung tâm Y tế thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Y tế có giường bệnh hạng II bao gồm: Cấp cứu, khám chữa bệnh; đào tạo cán bộ y tế; nghiên cứu khoa học về y học; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật; phòng chống bệnh tật, hợp tác quốc tế; quản lý kinh tế Y tế.

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế và UBND thành phố Hà Tiên. Sự phối hợp chặt chẽ của Trung tâm y tế và các ngành, đoàn thể có liên quan.

- Ban Giám đốc, Ban lãnh đạo các khoa, phòng, trạm y tế có tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Có đội ngũ CCVC-LĐ yêu ngành yêu nghề, có tinh thần khắc phục khó khăn; Thái độ phục vụ, y đức, văn hóa ứng xử ngày càng được chú trọng làm cho người bệnh ngày càng tin tưởng và an tâm điều trị.

- Nhiều trang thiết bị đã được đầu tư mới; các phương tiện cận lâm sàng hỗ trợ tốt cho công tác chẩn đoán và điều trị.

- Đã triển khai được một số kỹ thuật mới, giúp cho người dân an tâm điều trị tại Hà Tiên, giảm chi phí đi lại chuyển lên tuyến trên điều trị của người dân.

2. Khó khăn:

- Nhân lực y tế còn thiếu, tỷ lệ điều dưỡng/ bác sĩ chưa đảm bảo theo quy định (hiện đơn vị đang chờ thi tuyển dụng), nên việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh còn gặp nhiều khó khăn.

- Các kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến cho bệnh viện Hạng II triển khai thực hiện chưa đồng bộ. Tỷ lệ kỹ thuật đúng tuyến đăng ký thực hiện còn thấp.

- Nhu cầu của bệnh nhân có thể BHYT, chuyển tuyến, vượt tuyến luôn là vấn đề cần phải giải quyết hàng ngày.

- Tình hình dịch bệnh diễn biến còn phức tạp, nhiều bệnh dịch lưu hành xuất hiện, gia tăng (Sốt xuất huyết, Sởi), công tác kiểm soát dịch bệnh còn hạn chế, thiếu kinh phí trong hoạt động chống dịch (không có hướng dẫn thanh toán).

- Một số Trạm Y tế có triển khai khám chữa bệnh nhưng tỷ lệ khám, chữa bệnh tại Trạm y tế còn thấp, chẩn đoán và kê đơn còn sai sót nhiều (Trạm Y tế Mỹ Đức, Đông Hồ, Thuận Yên, Tiên Hải).

- Công tác chuyển đổi số tại đơn vị triển khai chưa đạt: Chưa có hệ thống bác số tự động thông minh, chưa có hệ thống đóng tiền điện phí không dùng tiền mặt thông minh, hồ sơ sức khỏe tại xã chưa được lập đạt chỉ tiêu: Phường Bình San, Đông Hồ chưa triển khai, phường Pháo Đài, Mỹ Đức lập hồ sơ còn thấp; hệ thống mạng internet tại đơn vị xuống cấp, thường xuyên lỗi mạng, hư hỏng, hệ thống máy vi tính đã cũ cần được thay mới.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo và điều hành:

- Trung tâm y tế đã học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các nội dung hội nghị Trung ương 6, 7, 8, khóa XII, các Nghị quyết, Kế hoạch bằng văn bản chỉ đạo và tổ chức triển khai, phổ biến cho toàn thể công chức, viên chức ngành y tế nắm rõ nội dung các Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch cấp trên.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017.

- Tham mưu cho UBND thành phố Hà Tiên tổ chức thực hiện phòng, chống dịch bệnh lưu hành tại địa phương.

- Tham mưu UBND thành phố trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện các đề án 3, đề án 6, đề án 7 của Chính phủ. Triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, chính sách dân số sinh đủ 2 con theo vùng có mức sinh thấp.

- Triển khai kế hoạch “Đổi mới phong cách phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh”; các quy định về quy tắc ứng xử, quy chế giao tiếp và 12 điều y đức; và các văn bản pháp luật mới ban hành cho CCVC-LĐ Trung tâm y tế.

- Triển khai thực hiện Tháng vệ sinh an toàn thực phẩm, Tháng an toàn vệ sinh lao động.

- Giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cho khối điều trị, khối dự phòng, trạm y tế và đăng ký duy trì chuẩn quốc gia về y tế xã cho 07 xã, phường.

2. Công tác đào tạo, bổ nhiệm, tuyển dụng:

- **Đào tạo:** Đưa 07 viên chức đi học lớp BSCKI. Đưa 01 viên chức học sơ bộ Chấn thương chỉnh hình 6 tháng; 01 viên chức học sơ bộ phẫu thuật nội soi phụ khoa 3 tháng, đưa 02 viên chức bồi dưỡng thực hành phẫu thuật nội soi phụ khoa và nội soi ở bụng 01 tháng.

- **Tuyển dụng mới:** 22 người

- **Nghỉ việc:** 03 y tá

- **Chuyển công tác:** Chuyển đi 01 người (đã gửi hồ sơ chờ xét duyệt)

- **Nghỉ hưu:** 03 viên chức

- **Bổ nhiệm:** Không

3. Công tác chỉ đạo tuyển và thực hiện Đề án 1816:

- Xây dựng kế hoạch công tác chỉ đạo tuyến, tăng cường công tác chỉ đạo tuyến cho các Trạm Y tế. Phối hợp với BVĐK Kiên Giang, Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang trong việc hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao một số kỹ thuật phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung...

- Chỉ đạo tuyến chuyên môn cho các Trạm Y tế xã, phường.

4. Công tác Nghiên cứu khoa học, Hợp tác Quốc tế:

- Thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học kỹ thuật của Trung tâm Y tế, Năm 2024, đã thực hiện 07 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và 04 sáng kiến kinh nghiệm được phê duyệt đề cương.

- Hợp tác Quốc tế: Trung tâm Y tế đang phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả một số dự án như: Dự án Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS. Dự án An ninh Y tế khu vực tiểu vùng Mêkong mở rộng (ADB.84) về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm.

5. Công tác khám và điều trị bệnh:

- Trung tâm Y tế đã thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn thành phố và các huyện lân cận; đặc biệt quan tâm khám chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ BHYT, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng cận nghèo và gia đình chính sách...

- Tăng cường điều trị bằng YHCT và PHCN, duy trì tốt công tác kết hợp YHCT và YHHĐ trong chẩn đoán và điều trị.

- Điều trị hiệu quả nhiều ca bệnh nặng, bệnh mạn tính, giảm tình trạng chuyển lên tuyến trên các bệnh mạn tính, điều trị dài ngày. Thực hiện rất tốt các ca cấp cứu, ca bệnh nguy kịch để chuyển lên tuyến trên kịp thời, tránh tình trạng tử vong do cấp cứu trễ.

- Đã triển khai và làm chủ được các kỹ thuật mới, đáp ứng được nhu cầu của người bệnh, hạn chế chuyển lên tuyến trên một số bệnh có khả năng thực hiện tại địa phương.

- Kết quả khám chữa bệnh tại trung tâm Y tế (có phụ lục kèm theo).

6. Công tác dự phòng và chương trình y tế.

6.1. Chương trình Tiêm chủng mở rộng:

- Tiêm ngừa miễn dịch đầy đủ cho trẻ dưới 01 tuổi phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh khác trong chương trình tiêm chủng chưa đạt được kết quả theo chỉ tiêu trên giao, nguyên nhân do thiếu vaccin (thiếu vaccin cung cấp từ Trung ương cho các tháng đầu năm 2024).

- Duy trì giám sát 10 bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng, thống kê báo cáo đầy đủ. Không ghi nhận ca bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng, không ghi nhận trường hợp nào phản ứng nặng sau tiêm ngừa.

- Duy trì thực hiện tiêm ngừa vaccin dịch vụ đối với một số bệnh dịch nguy hiểm (không có trong chương trình tiêm vaccin thường xuyên cho trẻ).

6.2. Chương trình phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm:

- Công tác dự báo dịch, phòng, chống dịch chủ động được triển khai 7/7 xã, phường ngay từ đầu năm. Duy trì đội chống dịch từ thành phố đến 07 xã/phường.

- Đề chủ động ứng phó với tình hình dịch bệnh ngay từ đầu năm Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên đã kiện toàn lại các tổ, đội để phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm (SXH, TCM, Sởi...).

- Xây dựng kế hoạch tham mưu cho UBND thành phố Hà Tiên triển khai phòng chống các bệnh dịch truyền nhiễm lưu hành tại địa phương.

- Ra quân thực hiện chiến dịch phòng chống sốt xuất huyết được 02 đợt/ 07 xã, phường (điều tra côn trùng, phát tờ rơi, dọn vệ sinh, hướng dẫn phòng bệnh)

- Tổ chức điều tra, giám sát từng ca bệnh. Xử lý ổ dịch tay chân miệng và sốt xuất huyết, phun Cloramin B diệt mầm bệnh.

- Tổng số ca bệnh dịch:

STT	Tên dịch bệnh	Số ca mắc 2023 (10 tháng cùng kỳ)	Số ca mắc 2024	Tỷ lệ
01	Covid-19	0	0	Bằng
02	Sốt xuất huyết	288	36	Giảm 8 lần
03	Tay chân miệng	71	63	Giảm 1,1 lần
04	Sởi	0	13	Tăng 13 lần

- Không có trường hợp nào tử vong tại đơn vị do bệnh dịch gây ra.

6.3. Các dự án, đề án lĩnh vực y tế:

Trung tâm y tế triển khai thực hiện các đề án 03; đề án 06; đề án 07 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hà Tiên, kết quả:

- Khoa CSSKSS phối hợp với phòng Dân số - TTGDSK tổ chức trực tiếp tuyên truyền cho người dân trong việc chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là phụ nữ vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số được 7.694 lượt người và tư vấn qua điện thoại 05 lượt người tư vấn. Ngoài ra hàng tháng tổ chức quản lý, chăm sóc sức khỏe cho chị em phụ nữ thông qua khám các bệnh lý phụ khoa, tổ chức chiến dịch truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản tại 7/7 xã phường.

- Giám sát việc triển khai thực hiện QĐ số 7130/QĐ-BYT ngày 29/11/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia tiến tới loại trừ HIV, Viêm gan B và giang mai lây truyền từ mẹ sang con giai đoạn 2018-2030 và QĐ số 2834/QĐ-BYT ngày 04/7/2019 về việc “Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng HIV, viêm gan B và giang mai lây truyền từ mẹ sang con” theo qui định BHYT.

- Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, kể cả các trường hợp đẻ tại nhà hay tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý trong “1000 ngày đầu đời”. Thực hiện cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ, tổ chức cân trẻ hàng tháng, đánh giá nguy cơ và thực hiện cung cấp viên đa vi chất, hướng dẫn bữa ăn hợp lý cho trẻ. Thực hiện tuyên truyền, vận động truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho 260/270 bà mẹ có thai và bà mẹ đang cho con bú đạt 96,29% kế hoạch.

- Dự án 7 nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: đã khám sàng lọc sức khỏe NCT tại phường Mỹ Đức được 197/359 cụ đạt 54,9% kế hoạch, đồng thời hướng dẫn các cụ đến cơ sở y tế khám chữa bệnh cho các trường hợp phát hiện các bệnh lý, tổ chức quản lý sức khỏe tại xã phường.

Năm 2025 tiếp tục khám sức khỏe định kỳ cho 60% người cao tuổi ít nhất 1 năm /lần tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực III. Dự kiến phường Pháo Đài với 459 cụ.

- Đề án 06 của Chính phủ, Trung tâm Y tế triển khai thực hiện tin học hóa, chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế: Ứng dụng các phần mềm trong quản lý khám chữa bệnh, quản lý văn bản, nhân sự, tài sản... triển khai Kios thông minh trong đăng ký khám chữa bệnh, Kios đóng tiền viện phí không dùng tiền mặt...

6.4. Các chương trình y tế khác: thực hiện theo tiến độ chương trình, nhiều chương trình y tế đạt và vượt chỉ tiêu, một số chương trình đang thực hiện sẽ kết thúc vào tháng 12 hàng năm.

7. Công tác Dược:

- Trung tâm y tế thực hiện dự trữ, cung ứng thuốc thông qua đấu thầu thuốc theo đúng quy định, đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu phục vụ cho khám, chữa bệnh nội trú và ngoại trú. Trung tâm Y tế niêm yết công khai giá thuốc, đảm bảo tính đúng, tính đủ.

- Một số Trạm y tế có triển khai khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT được Trung tâm Y tế cung ứng thuốc theo dự trữ hàng tháng. Việc quản lý tủ thuốc tại các trạm y tế còn chưa đảm bảo theo quy định.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Hạn chế, tồn tại

- Việc thực hiện một số tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện theo Bộ tiêu chí chấm điểm của Bộ Y tế còn gặp nhiều khó khăn. Một số chỉ tiêu của các khoa điều trị, các chương trình y tế còn thấp (Lao, HIV), tỷ lệ khám bệnh ngoại trú có bệnh án còn thấp so với chỉ tiêu được giao.

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhiều bệnh dịch lưu hành, bệnh dịch trong chương trình tiêm chủng mở rộng xuất hiện trở lại (Sởi), số ca mắc rải rác các tháng trong năm.

- Vẫn còn một vài viên chức có thái độ tiếp xúc với người dân chưa tốt, chưa giải thích rõ ràng dẫn đến người bệnh chưa hài lòng. Một số viên chức thực hiện nội quy, quy chế cơ quan còn chưa tốt, vẫn còn đi trễ về sớm, chưa mặc đồng phục, vắng mặt trong giờ làm việc...

- Các khoa lâm sàng chưa xây dựng được các phác đồ điều trị và quy trình kỹ thuật để ứng dụng tại đơn vị.

2. Nguyên nhân:

- Áp dụng tin học hóa vào công tác khám chữa bệnh còn một số khó khăn vướng mắc trong thực hiện đưa dữ liệu lên cổng thanh quyết toán BHYT dẫn đến còn sai sót.

- Tỷ lệ điều trị nội trú thấp, do người dân không muốn nhập viện. Công tác tuyên truyền trong nhân còn hạn chế nên việc người dân chủ động đến khám, xét nghiệm phát hiện bệnh Lao, HIV còn thấp.

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, do thiếu vắc xin trong nhiều năm dẫn đến dịch bệnh trong chương trình tiêm chủng xuất hiện trở lại (dịch bệnh Sởi),

nhieu trẻ bị thiếu mũi vắc xin nên có miễn dịch với một số bệnh truyền nhiễm còn thấp, công tác kiểm soát dịch khó khăn do thiếu kinh phí thực hiện chống dịch (không có hướng dẫn thanh toán chi trả cho công tác chống dịch, Thông tư số 26/2018/TT-BTC hết hiệu lực).

- Thái độ và cách giải thích của nhân viên cho người dân không rõ ràng, người dân chưa hài lòng với cách giải thích, do kỹ năng truyền tải nội dung của một vài viên chức chưa đạt, dẫn đến chưa hài lòng người bệnh.

- Kỹ năng xây dựng các phác đồ điều trị, quy trình kỹ thuật của các khoa còn yếu, thiếu kinh nghiệm.

PHẦN B: PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2025

I. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh; Thực hiện thay đổi phong cách phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh, tạo sự an tâm, tin tưởng đối với nhân dân.

- Hoàn thành các chỉ tiêu chuyên môn theo đúng tiến độ, đảm bảo đạt theo tiêu chí chấm điểm đánh giá chất lượng bệnh viện duy trì mức khá và tiêu chí chấm điểm khối dự phòng, xây dựng Trung tâm Y tế Xanh- Sạch- Đẹp và An ninh trật tự. Duy trì Chuẩn quốc gia y tế xã tại 7 xã phường. Chủ động xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh, kiểm soát tốt các dịch bệnh lưu hành tại địa phương, không chế không để dịch lây lan diện rộng. Tăng cường công tác Truyền thông Giáo dục sức khỏe trong nhân dân, nâng cao ý thức chủ động phòng chống dịch bệnh, phòng chống bệnh tật của người dân.

- Nâng cao năng lực quản lý Trung tâm Y tế, quản lý tốt tài sản, tài chính, trang thiết bị và cơ sở vật chất, giảm thiểu hư hao, mất mát, xuống cấp.

- Phối hợp tốt giữa Ban chấp hành CDCS và Ban Giám đốc Trung tâm Y tế trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

- Sắp xếp lại tổ chức theo quy mô TTYT hạng II, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng đầy đủ các vị trí việc làm, tăng hiệu quả làm việc.

- Tăng cường gọi nhân viên đi đào tạo dài hạn, ngắn hạn về chuyên môn mà đơn vị đang thiếu.

- Tăng cường triển khai áp dụng các kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh, phân đầu thực hiện tăng các kỹ thuật của Trung tâm Y tế phân đầu triển khai thêm 3-5 kỹ thuật mới trong điều trị; Nâng cao chất lượng điều trị tại các khoa lâm sàng.

- Củng cố lại các Hội đồng Trung tâm Y tế triển khai hoạt động hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch của Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế. Thực hiện tốt Y đức, Quy tắc ứng xử người thầy thuốc.

- Triển khai tốt công tác dược lâm sàng, các hoạt động sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả. Triển khai hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh

- Chăm lo cải thiện về đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện và môi trường làm việc thuận lợi để CCVC-LĐ an tâm công tác.

- Tiếp tục thực hiện Đề án 1816, chỉ đạo tuyến, luân chuyển y, bác sĩ, điều dưỡng bồi dưỡng, trau dồi thêm kiến thức chuyên môn...

- Xác định công tác dự phòng là trọng tâm, chăm sóc sức khỏe nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu mà đảng bộ và Trung tâm y tế phải ưu tiên thực hiện. Cùng cố kiện toàn lại hệ thống mạng lưới TT-GDSK từ Trung tâm Y tế tới các Trạm Y tế.

III. Kế hoạch hoạt động:

1. Công tác Quản lý chất lượng bệnh viện, các hoạt động của đơn vị:

- Phân đầu nâng tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế qui định cho Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế.

- Triển khai và từng bước phân đầu thực hiện các nội dung Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện đạt ở mức khá (từ mức 3 trở lên). Chỉ đạo các trạm y tế duy trì chuẩn quốc gia về y tế xã.

- Tiếp nhận nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, thực hiện các kỹ thuật chuyên môn cao theo hướng Trung tâm Y tế Hạng II.

- Tiếp tục đào tạo Bác sỹ CKI, CKII, Bác sỹ đa khoa và bồi dưỡng theo kế hoạch đào tạo hàng năm. Tổ chức tập huấn chuyên môn và nâng cao Y đức cho tất cả nhân viên y tế tại đơn vị.

- Tham mưu cho Sở Y tế Kiên Giang, UBND thành phố Hà Tiên trong việc đề xuất mua sắm thêm một số máy: CT-Scanner 65 lát cắt, bàn mổ, dụng cụ mổ kết hợp xương... tham mưu xây dựng, sửa chữa: sửa chữa Trung tâm Y tế cho các khoa bị dột, hư hỏng, xây dựng mới và sửa chữa cho các Trạm Y tế: Bình San, Thuận Yên, Tiên Hải.

2. Công tác cấp cứu, khám, điều trị và dự phòng:

- Thực hiện tốt công tác cấp cứu, điều trị tại các khoa. Cùng cố lại các qui trình cấp cứu, khám, điều trị hợp lý và thường xuyên cập nhật các phác đồ điều trị của Bộ Y tế về các bệnh lý thường gặp giúp việc cấp cứu, khám, điều trị đạt kết quả cao và ngăn ngừa được các sự cố y khoa, sai sót chuyên môn.

- Triển khai thực hiện tốt các qui trình kỹ thuật chuyên môn đã đăng ký. Phân đầu triển khai thêm 03-05 kỹ thuật lâm sàng và 02-03 kỹ thuật cận lâm sàng mới, trong đó tập trung vào các kỹ thuật của khoa Ngoại, khoa Hồi sức cấp cứu và khoa Sức khỏe sinh sản. Phân đầu hoàn thành trên 100% chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Duy trì và tích cực phát triển các hoạt động về YHCT – Phục hồi chức năng, tích cực phối hợp các loại thuốc đông dược trong điều trị. Trang bị thêm một số máy, thiết bị vật lý trị liệu, ưu tiên các phương pháp điều trị không dùng thuốc.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, khoanh vùng, kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh. Tập trung mọi nhân lực, tài lực, bố trí phương án tổ chức không chế, kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh tại 7 xã, phường, đảm bảo không để dịch lan rộng.

- Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, chú trọng công tác tiêm ngừa cho trẻ em, uống vitamin A, chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn thực phẩm.

- Chú trọng công tác TT-GDSK trong nhân dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong công tác phòng chống bệnh tật và dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, quản lý bệnh viện và thực hiện tốt công nghệ số thông minh, thực hiện tốt các nội dung của đề án 06.

- Tiếp tục thực hiện một số nội dung của đề án 03 và 07 của Chính phủ về lĩnh vực y tế.

3. Công tác nghiên cứu khoa học:

- Tiếp tục nghiên cứu các đề tài NCKH ứng dụng vào thực tế tại đơn vị, khuyến khích các đề tài mang tính khoa học và có giá trị cao.
- Tổ chức đánh giá ứng dụng các đề tài có giá trị cao, mang tính khoa học.

4. Công tác Dược và Vật tư y tế:

- Xây dựng danh mục thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao theo danh mục đầu thầu, tổ chức đầu thầu theo đúng quy định.
- Cung ứng đầy đủ kịp thời vật tư tiêu hao và hóa chất xét nghiệm cho các khoa phòng. Triển khai thực hiện tốt công tác dược lâm sàng nhằm sử dụng thuốc hợp lý an toàn, hiệu quả.
- củng cố lại các tủ thuốc của các Trạm Y tế xã, phường.

5. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án 1816:

- Tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang, bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang.
- Gửi cán bộ đi đào tạo tại Bệnh viện tỉnh và các Bệnh viện tại TP Hồ Chí Minh.
- Hỗ trợ chuyên môn và chuyển giao kỹ thuật từ Trung tâm Y tế về Trạm Y tế.

6. Tiếp tục tổ chức giám sát, đánh giá, kiểm điểm việc phối hợp thực hiện quy chế dân chủ, quy chế phối hợp giữa CDCS và Trung tâm Y tế.

Hàng quý Trung tâm Y tế chủ trì thực hiện sơ kết các hoạt động y tế, các chỉ tiêu ký kết và Nghị quyết của hội nghị viên chức người lao động năm 2025.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện công tác y tế năm 2024 và một chương trình công tác y tế năm 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- UBND TP Hà Tiên;
- Đảng ủy Trung tâm Y tế;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng, TYT;
- Lưu: VT, KHN.V.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TRUNG TÂM
Y TẾ
THÀNH PHỐ
HÀ TIÊN

Trưởng Thị Kim Nga

PHỤ LỤC

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Tỷ lệ %		Chỉ tiêu 2025
						7=6/4	8=6/5	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
	I. KHÁM CHỮA BỆNH							
1	Tổng số giường bệnh tại Trung tâm Y tế	Giường	180	180	180	100.0%	100.0%	180
2	Tổng số lượt người khám bệnh	Lượt	70,000	79,320	80,366	114,8%	101,3%	70,000
	Trong đó:							
	* Tại TTYT huyện/thành phố	Lượt	50,000	59,254	60,254	120.5%	101.7%	50,000
	* Tại TYT xã/phường:	Lượt	20,000	20,066	20,112	100.6%	100.2%	20,000
	+ Trong đó: Khám chữa bệnh bằng YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	4,000	3,830	2,277	56.9%	59.5%	4,000
3	Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Người	9,000	8,949	8,318	92.4%	92.9%	9,000
4	Ngày điều trị bình quân 1 BN nội trú	Ngày	4.5	4.5	4.5	100%	100%	5.0
5	Công suất sử dụng giường bệnh	%	80%	80%	56,5%	70.6%	70.6%	80%
6	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú (có bệnh án ngoại trú)	Người	1,000	880	666	66.6%	75.7%	1,000
7	Tỷ lệ bệnh nhân khỏi, đỡ, giảm	%	92%	91.1%	87.7%	95.3%	96.3%	91%
8	Tỷ lệ khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT hoặc kết hợp giữa YHĐ và YHCT	%	7	6.5	3.78	54%	58.2%	6.6
9	Số xã/ phường	Xã	7	7	7	100.0%	100.0%	7
	+ Số xã, phường có TYT	Xã	7	7	7	100.0%	100.0%	7
10	Số xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã	Trạm	7	7	7	100.0%	100.0%	7
11	Số trạm y tế có bác sĩ làm việc (bao gồm bác sĩ tăng cường)	Trạm	7	7	7	100.0%	100.0%	7
12	Số TYT có NHS hoặc y sĩ sản nhi	Trạm	7	7	7	100.0%	100.0%	7
13	Số cơ sở khám chữa bệnh tại TYT	Cơ sở	7	7	7	100.0%	100.0%	7
	+ Trong đó: Cơ sở khám BHYT	Cơ sở	5	5	5	100.0%	100.0%	5
14	Ca tử vong	Người	12	9	20	166.7%	222.2%	12

II. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG

TT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Tỷ lệ %		Dự kiến 2025
						7=6/4	8=6/5	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG							
1	Số trẻ <1 tuổi được MDDĐ	Người	620	243	600	96.8%	246.9%	620
2	PNCT được tiêm ngừa UV2+	Người	620	530	558	90.0%	105.3%	620
3	Số trẻ <1 tuổi được tiêm VG B <24 giờ	Người	620	495	530	85.5%	107.1%	620
4	Viêm não nhật bản mũi 2	Người	585	434	528	90.3%	121.7%	585
5	Viêm não nhật bản mũi 3	Người	565	487	460	81.4%	94.5%	565
6	Sởi - Rubela	Người	590	448	524	88.8%	117.0%	590
7	DPT4	Người	590	243	496	84.1%	204.1%	590
II	PHÒNG CHỐNG DỊCH							
1	Khổng chế tỷ lệ mắc <150/10,000 dân	Ca	120	340	26	21.7%	7.6%	64
2	7% số BN nghi SXH-D XN huyết thanh	Mẫu	4	2	4	100.0%	200.0%	4
3	3% số BN nghi SXH-D được phân lập virut	Mẫu	4	2	4	100.0%	200.0%	4
4	Số điểm giám sát vec tơ thường xuyên	Điểm	1	1	1	100.0%	100.0%	1
5	Giám sát dịch tễ cộng đồng	Điểm	1	1	1	100.0%	100.0%	1
6	Số ca mắc bệnh Tay chân miệng	Ca	100	123	60	60.0%	48.8%	100
7	Số ca mắc bệnh Sởi	Ca	0	0	12	0.0%	120.0%	0
III	PHÒNG CHỐNG PHÒNG							
1	Số người khám phát hiện	Người	2,500	2,282	2,609	104.4%	114.3%	2,500
2	Số BN mới phát hiện	Người	0	0	0	0.0%	0.0%	0
3	Số BN quản lý điều trị	Người	5	5	5	100.0%	100.0%	5
4	Số BN chăm sóc tàn tật	Người	5	5	5	100.0%	100.0%	5
5	Số điểm triển khai	Điểm	5	5	5	100.0%	100.0%	5
6	Khám bệnh da tại cộng đồng	Người	300	584	424	141.3%	72.6%	300
IV	KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG							
1	Số lam xét nghiệm SR	Lam	200	203	218	109.0%	107.4%	200
2	Số lượt BN điều trị	Người	1	0	1	100.0%	100.0%	1
3	Dân số được bảo vệ bằng hóa chất	Người	1,828	984	2,000	109.4%	203.3%	1,828
V	PHÒNG CHỐNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM							
A	PHÒNG CHỐNG BƯỚU CỔ							

1	Giám sát hộ gia đình	HGD	60	60	60	100.0%	100.0%	60
2	Điều tra KAP bà mẹ	Người	24	24	24	100.0%	100.0%	24
B	PHÒNG CHỐNG ĐÁI THÁO ĐƯỜNG							
1	Tập huấn kỹ năng thực hành cho cán bộ tham gia chương trình phòng chống ĐTĐ	Người	16	16	16	100.0%	100.0%	16
2	Tư vấn cho người tiền ĐTĐ	Người	22	22	22	100.0%	100.0%	22
3	Thực hiện khám sàng lọc ĐTĐ tại cộng đồng	Người	5,770	1,644	5,731	99.3%	348.6%	5,700
4	Số BN được quản lý, tư vấn và điều trị tại TYT	Người	347	658	396	114.1%	60.2%	347
C	PHÒNG CHỐNG TĂNG HUYẾT ÁP							
1	Số lượt NVYT được đào tạo	Người	16	16	16	100.0%	100.0%	16
2	Duy trì mô hình quản lý Bn THA	Người	7	7	7	100.0%	100.0%	7
3	Số BN THA phát hiện qua khám sàng lọc	Người	350	295	323	92.3%	109.5%	300
4	Số BN THA được quản lý điều trị tại TYT	Người	1,000	982	993	99.3%	101.1%	900
VI	DINH DƯỠNG							
1	Số xã triển khai	Xã	7	7	7	100.0%	100.0%	7
2	Số trẻ em dưới 5 tuổi	Người	3,554	3,730	3,554	100.0%	95.3%	3,554
3	Số trẻ em dưới 2 tuổi	Người	1,142	1,228	1,144	100.2%	93.2%	1,144
4	Trẻ 6-36 tháng được uống Vit A	Người	2,000	2,000	2,000	100.0%	100.0%	2,000
5	Bà mẹ trong tháng uống Vit A	Người	355	-	-	0.0%	0.0%	
6	Tỷ lệ SDD cân nặng/ tuổi (trẻ <5 tuổi)	%	8.96	9.06	8.94	99.8%	98.7%	8.93
7	Tỷ lệ SDD chiều cao/ tuổi (trẻ <5 tuổi)	%	10.9	11.6	10.63	97.5%	91.6%	10.60
VII	SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC							
A	Sức khỏe môi trường.							
1	KT, GS các cơ sở có công trình cấp nước và nhà tiêu HVS	CS	9	7	7	77.8%	100.0%	7
2	KT, GS về quản lý chất thải y tế	CS	8	7	8	100.0%	114.3%	7
3	Thực hiện ngoại kiểm đối với đơn vị cấp nước	CS	2	2	2	100.0%	100.0%	2
4	KT, GS vệ sinh môi trường các CSSX	CS	9	9	9	100.0%	100.0%	9
5	KT, GS nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn.	CS	950	900	950	100.0%	105.6%	900

B	Y tế trường học							
1	Trường học được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học	Trường	12	11	12	100.0%	109.1%	12
2	Số Trường được hướng dẫn về công tác, kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho học sinh	Trường	12	11	12	100.0%	109.1%	12
C	Nha học đường							
1	số trường thực hiện giáo dục sức khoẻ răng miệng cho HS tiểu học và mẫu giáo	Trường	13	13	13	100.0%	100.0%	13
2	Số HS tiểu học và mẫu giáo bán trú thực hiện chải răng tại trường	HS	1,150	800	1,150	100.0%	143.8%	1,200
3	Trường có tổ chức cho HS súc miệng bằng Natri Fluor 2% 1 lần/ tuần	HS	8	8	8	100.0%	100.0%	9
4	Số HS khám và điều trị		1,700	1,700	1,700	100.0%	100.0%	1,700
IX	PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS							
1	Số mẫu xét nghiệm sàng lọc HIV	Mẫu	600	590	595	99.2%	100.8%	600
2	Số người có nguy cơ cao được xét nghiệm	Mẫu	300	240	192	64.0%	80.0%	300
3	Số ca có HIV dương tính	Ca	10	10	10	100.0%	100.0%	10
4	Số BN điều trị AVR mới	Ca	17	14	12	70.6%	85.7%	12
5	Tỷ lệ PNMT có HIV dương tính được điều trị dự phòng lây từ mẹ sang con	%	100	100	100	100.0%	100.0%	1
6	Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng ARV	%	100	100	100	100.0%	100.0%	1
7	Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc lao được điều trị đồng thời lao và ARV	%	100	100	100	100.0%	100.0%	1
8	Tỷ lệ xã tổ chức tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS	%	100	100	100	100.0%	100.0%	1
9	Số người nam quan hệ tình dục đồng giới điều trị dự phòng phơi nhiễm HIV	Người	50	7	11	22.0%	157.1%	12
X	SỨC KHỎE SINH SẢN							
A	Chỉ tiêu KHHGD							
1	Số người sử dụng các BPTT	Người	3,558	3,780	3,810	107.1%	100.8%	3,555
2	Triệt sản	Người	0	0		0.0%	0.0%	
3	Vòng tránh thai	Người	1,052	1,064	1,074	102.1%	100.9%	1,050

4	Thuốc uống tránh thai	Người	900	1,090	1	0.1%	0.1%	900
5	Thuốc tiêm tránh thai	Người	400	403	426	106.5%	105.7%	400
6	Thuốc cấy tránh thai	Người	6	7	5	83.3%	71.4%	5
7	Bao cao su	Người	1,200	1,216	1,263	105.3%	103.9%	1,200
B	Chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe bà mẹ							
1	Phá thai	Người	12	11	12	100.0%	109.1%	10
2	Khám phụ khoa	Người	9	10,796	11	123.0%	0.1%	9,080
3	Điều trị phụ khoa	Người	4,090	2,535	3,130	76.5%	123.5%	4,000
4	Số Phụ nữ đẻ trong năm	Người	710	765	659	92.8%	86.1%	650
5	Phụ nữ đẻ được quản lý thai	Người	639	765	659	103.1%	86.1%	650
6	Phụ nữ đẻ được khám thai >3 lần	Người	639	765	659	103.1%	86.1%	620
7	Tỷ lệ PN đẻ khám thai > 3 lần	%	90	765	659	732.2%	86.1%	90
8	BM và trẻ SS được CSSS (97%)	%	97	100	100	103.1%	100.0%	97
C	Chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe trẻ em							
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	710	765	659	92.8%	86.1%	650
2	Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	100	100	100.0%	100.0%	100
3	Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi	Trẻ	0	0	0	0.0%	0.0%	0
4	Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi	Trẻ	0	0	0	0.0%	0.0%	0
XI	Dân số - TT.GDSK							
A	Dân số							
1	Tăng tỷ lệ sinh	‰	0.1	0.24	0.08	80.0%	33.3%	0
2	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	%	290	245	283	97.6%	115.5%	290
3	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	326	369	410	125.8%	111.1%	330
4	Số người mới thực hiện BPTT	Người	2,680	2,582	2,538	94.7%	98.3%	2,680
5	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	9.5	9.5	9.5	100.0%	100.0%	10
7	Tỷ lệ sinh	‰	10.02	10.24	10.08	100.6%	98.4%	10
8	Giới tính khi sinh (nam/nữ) (107/100)	Người	107	107	107	100.0%	100.0%	107
9	KSK định kỳ cho NCT	Người	2,710	2,567	2,636	97.3%	102.7%	2,670
B	TT-GDSK							
1	Số phòng, góc tư vấn	Góc	8	8	8	100.0%	100.0%	8
2	Số lần tư vấn	Lần	6,000	6,384	7,200	120.0%	112.8%	6,000
3	Số lớp tập huấn TT-GDSK	Lần	1	1	1	100.0%	100.0%	1
4	Số lần NCSK chuyên đề ở cụm dân cư, trường học, đoàn thể	Lần	32	6	8	25.0%	133.3%	32

5	Số tin, bài, ảnh gửi đăng trên Bản tin SKKG	Tin	12	7	10	83.3%	142.9%	12
6	Tin, bài gửi phát trên đài truyền thanh TPHT	Tin	12	11	10	83.3%	90.9%	12
7	Tin bài phát qua loa truyền thanh xã, TYT	Tin	1,500	2,237	2,300	153.3%	102.8%	1,500
8	Họp nhóm TT-GDSK tại cụm dân cư	Buổi	50	73	75	150.0%	102.7%	50
9	Thăm hộ gia đình liên quan đến TT-GDSK	HGD	500	776	800	160.0%	103.1%	500
XII	CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG LAO							
1	Xét nghiệm đàm	Lam	451	460	451	100.0%	98.0%	451
2	Số BN quản lý điều trị	Người	156	166	157	100.6%	94.6%	156
3	Số BN phát hiện mới	Người	71	87	70	98.6%	80.5%	70
4	Số BN thu dung	Người	71	87	70	98.6%	80.5%	70
5	Số AFB (+) mới	Người	50	67	45	90.0%	67.2%	50
6	Số Lao AFB (-); LNP	Người	21	20	18	85.7%	90.0%	20
7	Số BN điều trị khỏi	%	77%	91%	70%	90.9%	76.9%	70
XIII	CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE TÂM THẦN							
1	Khám phát hiện mới	Người	3	0	3	100.0%	300.0%	3
	+ TTPL	Người	1	0	2	200.0%	200.0%	1
	+ Động kinh	Người	2	0	1	50.0%	100.0%	1
2	Khám bệnh sàng lọc	Người	630	636	540	85.7%	84.9%	550
3	Quản lý, điều trị	Người	54	53	54	100.0%	101.9%	54
	+ TTPL	Người	32	32	32	100.0%	100.0%	32
	+ Động kinh	Người	22	21	22	100.0%	104.8%	22
XIV	AN TOÀN THỰC PHẨM							
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ĐDK ATTP	CS	30.0	35.0	37.0	123.3%	105.7%	35
2	Số lượt thanh, kiểm tra	Lượt	1,000.0	1,017.0	1,102.0	110.2%	108.4%	1,100
3	Mẫu xét nghiệm labo	Mẫu	30.0	30.0	32.0	106.7%	106.7%	35
4	Mẫu test nhanh	Mẫu	65.0	70.0	71.0	109.2%	101.4%	75